

Số: **93** /BC-UBND

Quảng Trị, ngày **10** tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở các
xã miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Vùng đồng bào dân tộc và miền núi tỉnh Quảng Trị có diện tích tự nhiên 313.675 ha, chiếm 68% diện tích tự nhiên của tỉnh. Toàn vùng có 43 xã miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó 41 xã là vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu là dân tộc Vân Kiều và Pa Cô.

- Về thuận lợi: Việc thực hiện các chương trình chính sách luôn được sự quan tâm chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, củng cố khối đoàn kết toàn dân. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; nguồn vốn đầu tư đúng mục đích hiệu quả. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định.

- Về khó khăn: Xuất phát điểm của các xã thấp, khoảng cách chênh lệch còn lớn so với vùng đồng bằng, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Thu ngân sách trên địa bàn không đáng kể nên tích lũy từ nội bộ kinh tế để tái sản xuất mở rộng rất khó khăn. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, tỷ lệ hộ nghèo vùng miền núi so với toàn tỉnh thời điểm đầu năm 2011 gấp 1,5 lần (29,53%/19,7%), đầu năm 2016 gấp 2,3 lần (35,87%/15,43%), và đầu năm 2019 gấp 2,5 lần (24,5%/9,68%). Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, phục vụ dân sinh. Địa bàn cư trú của đồng bào DTTS chủ yếu ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, địa hình bị chia cắt mạnh bởi đồi núi, sông suối đường sá đi lại hết sức vất vả. Khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt. Diện tích đất tự nhiên rộng lớn nhưng chủ yếu là đồi núi, đất sản xuất nông nghiệp ít, địa hình dốc rất khó khăn cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Mùa mưa

rửa trôi mạnh, mùa khô thiếu nước sản xuất, độ màu mỡ của đất thấp nên năng suất cây trồng không cao, đặc biệt là cây lương thực. Dân cư sống thưa thớt, phân bố rải rác dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện các chương trình, chính sách.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

Để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình, UBND, BCD NTM tỉnh đã kịp thời ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cơ chế chính sách thực hiện Chương trình, bao gồm:

- Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Chương trình MQTG xây dựng NTM, các huyện, thị ủy, đảng ủy xã đều có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM.

- Các cấp chính quyền đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình; hệ thống các văn bản về cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng NTM".

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCD, các sở, ban, ngành phụ trách từng tiêu chí và địa bàn cụ thể.

Hiện nay, Tỉnh ủy Quảng Trị đã phát động phong trào "Ngày thứ 7 vì Nông thôn mới", phân công các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tham gia 8 tổ công tác, chủ động kiểm tra nắm tình hình các xã vùng khó tại các địa phương để đôn đốc, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn cho các địa phương nhằm phát huy vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình trong thời gian tiếp theo.

2. Đánh giá và nêu bật kết quả xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khắc phục những hạn chế, bất cập của giai đoạn 2010-2015 để thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2 (2016-2020), cụ thể:

- Về Bộ tiêu chí NTM: Để phù hợp với Bộ tiêu chí xã NTM của Trung ương giai đoạn 2016-2020, Tỉnh Quảng Trị đã ban hành Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Để thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu, UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

- Về cơ chế phân bổ vốn: Đối với ngân sách Trung ương, việc phân bổ vốn được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày

22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn vùng biên giới, an toàn khu và các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển. Đối với nguồn vốn ngân sách của tỉnh ưu tiên để hỗ trợ cho các địa phương đạt chuẩn theo lộ trình hằng năm và thực hiện chính sách khen thưởng của tỉnh.

- Về áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù: Thực hiện Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ, tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo các cơ quan chức năng lập và phê duyệt thiết kế mẫu đối với các công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản như công trình đường giao thông, kênh mương nội đồng, điện chiếu sáng các trục đường nông thôn, điểm trung chuyển rác thải, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; hiện nay đang chỉ đạo lập và phê duyệt thiết kế mẫu đối với các trường học, hệ thống nhà kính.... UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu các địa phương nghiêm túc áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, giao cho cộng đồng dân cư, tổ nhóm thợ hoặc tổ chức đoàn thể ở địa phương thực hiện các công trình.

- Tỉnh đã chỉ đạo để triển khai các Đề án đặc thù:

+ Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 – 2020. Hiện nay, đang đề xuất thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình cấp nước tại các xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi dân tộc thiểu số.

+ Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020: UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận thôn, bản ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đạt chuẩn NTM. Ban hành kế hoạch hỗ trợ thôn, bản ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo NTM gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019-2020. Bố trí nguồn vốn hỗ trợ các xã hoàn thiện Bộ tiêu chí với mức hỗ trợ bình quân là 230 triệu đồng/thôn. Hiện nay, đang đề xuất bố trí từ nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 để hỗ trợ cho xã thôn, bản khó khăn xây dựng nông thôn mới.

- Về phát triển sản xuất, Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để khuyến khích, đẩy mạnh

phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân như chính sách về phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020; chính sách về hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh trong xây dựng NTM.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm: UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình, thành lập Ban điều hành và tổ giúp việc Ban điều hành. Tổ chức cho các doanh nghiệp, HTX, các cơ sở tham gia các hội chợ nhằm quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường..

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp tỉnh đến xã, thôn:

+ Cấp tỉnh: Thành lập BCD NTM tỉnh (giai đoạn 2011-2015), BCD các chương trình MTQG (giai đoạn 2016-2020), do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, 02 đồng chí PCT UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban; thành viên là Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh. Thành lập Văn phòng điều phối NTM tỉnh do đồng chí Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT làm Chánh Văn phòng.

+ Cấp huyện: 8/8 huyện, thị xã đã thành lập BCD NTM huyện do đồng chí Bí thư huyện ủy/Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Thành lập bộ phận giúp việc BCD huyện (trong đó 7/8 huyện đã thành lập Văn phòng điều phối NTM cấp huyện, riêng thị xã Quảng Trị thành lập tổ giúp việc).

+ Cấp xã: 100% xã đã thành lập BCD NTM xã – do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Ban Quản lý NTM xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; 01 cán bộ theo dõi nông thông mới cấp xã

+ Cấp thôn: Thành lập Ban phát triển các thôn, do Bí thư/ Trưởng thôn làm trưởng Ban phát triển các thôn.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp.

Thực hiện Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp, UBND tỉnh đã ban hành Đề án kiện toàn Bộ máy giúp việc BCD NTM đồng bộ ở các cấp gồm: Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh, Văn phòng NTM huyện, cán bộ chuyên trách NTM xã theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp và hiệu quả.

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở các cấp

Hàng năm, công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về xây dựng NTM được triển khai kịp thời từ tỉnh đến cơ sở, với các nội dung trọng tâm gồm: chủ trương, chính sách; nội dung, nguyên tắc, phương pháp thực hiện chương trình; công tác lập quy hoạch, đề án NTM; kỹ năng lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng; đồng thời giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Trong đó, có ưu tiên tập huấn cho cán bộ cấp thôn, bản và cán bộ thuộc các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Để tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, kịp thời áp dụng những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo trong xây dựng NTM, BCD tỉnh, các huyện thị xã đã tổ chức nhiều chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh và đón các đoàn của các tỉnh bạn đến học tập, trao đổi kinh nghiệm tại tỉnh Quảng Trị.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng NTM

Công tác tuyên truyền, vận động được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, luôn được các cấp uỷ đảng, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội các cấp tổ chức thực hiện. Mặt trận, các đoàn thể các sở ban ngành, các cơ quan thông tin đại chúng đã thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, hướng về cơ sở nhằm huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân nông thôn. Công tác tuyên truyền đã đến với các thôn, bản vùng sâu vùng xa, vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 9 năm, đã có hàng ngàn ngàn tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng, hàng chục ngàn tờ rơi, sổ tay xây dựng NTM; trang thông tin điện tử với hàng trăm lượt người truy cập hằng ngày; tổ chức nhiều cuộc đối thoại, hội thảo, hội thi, sân chơi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền trong thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về chương trình xây dựng NTM; thay đổi nếp nghĩ, cách làm, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư nhà nước, khơi dậy sự tích cực chủ động, sáng tạo của cộng đồng dân cư, tạo động lực to lớn biến chương trình thành một phong trào ngày càng lan rộng. Điều đó thể hiện ở sự đồng tình, tích cực đóng góp công sức, tiền của, trí tuệ và tham gia thực hiện các nội dung xây dựng NTM của quần chúng nhân dân.

6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM vùng miền núi và Dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2019

Tổng nguồn lực huy động cho xây dựng nông thôn mới trong 9 năm là 14.473,862 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình là 297.224 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 279.544 triệu đồng, ngân sách địa phương là 17.680 triệu đồng

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án là: 1.065.145 triệu đồng;

- Huy động doanh nghiệp, HTX là: 89.631 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 12.950.000 triệu đồng;

- Huy động đóng góp của nhân dân: 26.847 triệu đồng.

- Các nguồn khác: 45.015 triệu đồng

7. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2010-2010

Thực hiện Phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM do Thủ tướng Chính phủ phát động, tỉnh Quảng Trị đã phát động phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng NTM. Chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương tổ chức ký kết phong trào thi đua. Nhằm duy trì phong trào thường xuyên và liên tục, BCD NTM tỉnh đã chỉ đạo duy trì hằng năm tổ chức phát động phong trào tại một địa phương trên địa bàn tỉnh. Qua 9 năm triển khai thực hiện phong trào đã phát triển rộng khắp đến các vùng nông thôn, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia xây dựng NTM.

Các Sở, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí do ngành phụ trách; tham mưu UBND tỉnh ban hành hệ thống chính sách, hướng dẫn thực hiện; theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc các địa bàn được phân công phụ trách triển khai thực hiện các nội dung xây dựng NTM. Nhờ vậy, qua 9 năm triển khai thực hiện số lượng tiêu chí tăng lên đáng kể.

Mặt trận và các đoàn thể đã vào cuộc tích cực trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia tích cực của phần lớn hội viên và nhân dân; tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi tại các địa phương, góp phần hoàn thiện các tiêu chí NTM, nổi bật như: Ủy ban mặt trận tổ quốc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM, Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM đô thị văn minh”; Hội Liên hiệp Phụ nữ thực hiện phong trào “gia đình 5 không 3 sạch”; Hội nông dân với phong trào “nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, chinh trang nông thôn”, Hội người cao tuổi với phong trào “Toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi xây dựng NTM”, Hội Cựu chiến binh với phong trào” Cựu Chiến binh chung tay xây dựng

NTM”, Đoàn Thanh niên với phong trào “ Tuổi trẻ Quảng Trị xung kích xây dựng NTM”.

Doanh nghiệp và HTX trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đóng góp cho xây dựng NTM như hỗ trợ các địa phương thực hiện công tác an sinh xã hội, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ người dân liên kết sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ. Hệ thống ngân hàng có vai trò quan trọng trong thực hiện chính sách cho vay tạo điều kiện hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất.

Phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTM, nhân dân trên địa bàn tỉnh đã tích cực tham gia các hoạt động xây dựng NTM và có nhiều đóng góp quan trọng như hiến kế, hiến đất, công, tài sản và đóng góp bằng tiền mặt để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

8. Kết quả xử lý nợ đọng XD CB trong thực hiện Chương trình

Thực hiện chỉ đạo xử lý nợ đọng của Chính phủ, Tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo các địa phương ưu tiên bố trí nguồn vốn được phân bổ để trả nợ các công trình, không bố trí vốn cho các công trình khởi công mới khi còn nợ đọng. Đối với các địa phương đăng ký đạt chuẩn NTM hằng năm, nếu còn nợ đọng xây dựng cơ bản sẽ không xem xét để thẩm định và công nhận đạt chuẩn NTM. Hiện nay, cơ bản nợ đọng xây dựng cơ bản đã được kiểm soát. Theo báo cáo của các địa phương, nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM, đến tháng 11/2018 chỉ còn 4.164 triệu đồng và dự kiến xử lý dứt điểm trong năm 2019.

9. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Ban Chỉ đạo tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác; phân công các thành viên kiểm tra, đôn đốc các địa phương. Các Sở, ngành, thành viên BCD các huyện, thị xã đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bổ sung giải pháp chỉ đạo nhằm thực hiện có hiệu quả hơn các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành. Công tác giám sát chuyên ngành được thực hiện có hiệu quả. Qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện được những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, kịp thời đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn cho địa phương trong triển khai thực hiện.

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện của các địa phương; tập trung đối với các địa phương đăng ký đạt chuẩn NTM hằng năm, các địa phương vùng miền núi có số tiêu chí đạt thấp và các địa phương đã đạt chuẩn NTM.

Để phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, các cấp chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho nhân dân được tham gia và giám sát các nội dung xây dựng NTM.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình tại vùng miền núi và Dân tộc thiểu số

a) Kết quả đạt chuẩn NTM:

- Số đơn vị cấp thôn được công nhận đạt chuẩn NTM: chưa có
- Số xã được công nhận đạt chuẩn NTM: 9/43 xã, đạt tỷ lệ 20,9%
- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM: chưa có
- Số tiêu chí bình quân/xã: 10,9 tiêu chí/xã
- Số xã dưới 5 tiêu chí: Không còn xã dưới 5 tiêu chí

b) Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình:

- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: chưa có
- Số khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu được công nhận: 1 khu dân cư kiểu mẫu đã được công nhận đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí do huyện ban hành

2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM

Sau 9 năm triển khai thực hiện, số lượng tiêu chí NTM tăng lên đáng kể, đến nay có 9/43 xã đạt chuẩn NTM, bình quân hằng năm tăng từ 1-2 tiêu chí/xã. Số tiêu chí đạt bình quân đến tháng 4/2019 là 10,9 tiêu chí/xã, tăng 1,7 tiêu chí/xã so với năm 2015, tăng 9,25 tiêu chí/xã so với năm 2010.

Cụ thể đạt được như sau:

+ Số xã đạt chuẩn NTM: 9 xã, đạt 15,4 %, tăng 7 xã so với năm 2015, tăng 9 xã so với năm 2010.

+ Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 0 xã, giảm 5 xã so với năm 2015 và bằng so với năm 2010

+ Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 11 xã, đạt 25,5%, tăng 2 xã so với năm 2015 và 11 xã so với năm 2010

+ Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 23 xã, đạt 53,4%, giảm 4 xã so với năm 2015, tăng 19 xã so với năm 2010.

+ Không còn xã dưới 5 tiêu chí (Năm 2010 còn 39 xã dưới 5 tiêu chí)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật

Nhận thức của phần lớn cán bộ, đảng viên và người dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ rệt. Vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng

NTM được phát huy; ý thức, trách nhiệm của người dân ngày càng được nâng cao. Xây dựng NTM trở thành phong trào, cuộc vận động với quy mô lớn, huy động cả hệ thống chính trị các cấp và đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng NTM được các cấp chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và quần chúng nhân dân tích cực hưởng ứng và đã trở thành phong trào thi đua thường xuyên, sâu rộng, lan tỏa trên khắp các vùng nông thôn. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo, nhiều cá nhân điển hình là người dân tộc thiểu số đã có nhiều đóng góp cho xây dựng NTM.

BCĐ NTM các cấp đã quyết tâm trong chỉ đạo, điều hành; kịp thời ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, cơ chế chính sách. Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể xem Chương trình NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm có chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; Công tác, sơ tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình được quan tâm thực hiện kịp thời, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn tỉnh.

Đã huy động được nguồn lực khá để thực hiện Chương trình, đặc biệt là nguồn lực đóng góp của nhân dân.

Xây dựng NTM đã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi dân tộc thiểu số; đời sống vật chất, tinh thần đồng bào được nâng lên. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí NTM, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt. Thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã miền núi dân tộc thiểu số giảm từ 3-4%. Hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn cơ bản giữ vững.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu

Một bộ phận người dân ở vùng miền núi, dân tộc thiểu số chưa thực sự tham gia tích cực trong phong trào xây dựng NTM. Nhận thức và năng lực còn hạn chế do đó còn khó khăn trong việc nắm bắt và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nhằm nâng cao thu nhập hoặc tham gia thực hiện một số công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng NTM. Tính trông chờ ỷ lại vẫn còn đặc biệt là đối với người đồng bào dân tộc.

Khoảng cách chênh lệch về tiêu chí NTM giữa các xã miền núi và các xã đồng bằng còn khá xa. Có nhiều tiêu chí khó đạt chuẩn như tiêu chí thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, môi trường. Một số tiêu chí rất dễ bị rút chuẩn như tiêu chí về an ninh trật tự. Số xã đạt chuẩn NTM trong vùng còn ít, 9/43 xã.

Tỷ lệ hộ nghèo vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn cao, hiện tại vùng miền núi còn 29 xã, 22 thôn bản ĐBKK, tỷ lệ hộ nghèo một số xã còn rất cao như Vĩnh Ô (64,84%), A Xing (62,48%), Ba Tầng (65,57%)...; đặc biệt là việc tái nghèo vẫn còn diễn ra.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, phục vụ dân sinh trên địa bàn các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Một số CBCCVN là người dân tộc thiểu số công tác trong các cơ quan hành chính có trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, do đó công tác lãnh đạo chỉ đạo, tham mưu thực hiện chương trình hiệu quả chưa cao.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân và cụ thể hóa các nội dung xây dựng NTM một cách hiệu quả vào thực tiễn.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM có ý nghĩa quyết định đến tiến độ và chất lượng xây dựng nông thôn. Để tạo điều kiện cho người dân thực sự phát huy tính tự lực, hợp tác, sáng tạo và chủ động trong xây dựng nông thôn, cần nghiêm túc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn; công khai, minh bạch trong đầu tư; thực sự quan tâm đến lợi ích thiết thực của dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung thực hiện; giao quyền cho cộng đồng quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình NTM ở địa phương.

Phát huy tốt cách làm chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; chọn đúng nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá cho từng thời kỳ; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ theo ưu tiên để tạo niềm tin, sự phấn khởi của nhân dân vào chương trình.

Vai trò chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp đảm bảo sự vào cuộc thật sự và phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị tham gia xây dựng NTM. Việc tổ chức thực hiện phải có kế hoạch chi tiết, phân công, phân nhiệm rõ ràng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; có giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương.

Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng để kịp thời động viên đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực cho xây dựng NTM.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG SAU 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020

- Huyện Đakrông (huyện nghèo 30a) có 1 xã đạt chuẩn NTM
- Có 1 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu
- Không còn xã miền núi đạt dưới 8 tiêu chí.
- Có từ 40-50% số thôn, bản thuộc xã khó khăn vùng biên giới, vùng núi đạt chuẩn NTM.

2. Mục tiêu định hướng sau năm 2020

Giai đoạn 2021-2025: Số xã miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn NTM từ 50-55%, có 2 huyện có xã miền núi và dân tộc thiểu số đạt chuẩn NTM.

Đến năm 2030: Số xã miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn NTM từ 70-75%. 2 huyện có xã miền núi và dân tộc thiểu số đạt chuẩn NTM.

Có thêm 4-5 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm tiếp tục phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng NTM. Nâng cao chất lượng và duy trì thường xuyên, liên tục các phong trào thi đua xây dựng NTM gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực; kịp thời biểu dương, vinh danh những tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực trong xây dựng NTM.

2. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp trong chỉ đạo thực hiện Chương trình; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng NTM; cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục xem việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thành viên BCD các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện các tiêu chí và địa bàn phụ trách; lồng ghép, huy động các nguồn lực để hỗ trợ, giúp đỡ các xã đạt chuẩn NTM theo lộ trình hằng năm.

3. Kịp thời cụ thể hóa và triển khai thực hiện hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách của tỉnh; vận dụng sáng tạo, linh hoạt cơ chế, chính sách của Trung ương áp dụng trên địa bàn để triển khai có hiệu quả Chương trình.

4. Tập trung đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng NTM, trong đó chú trọng thực hiện các chính sách để phát triển nông nghiệp, nông thôn như: dồn điền đổi thửa; xây dựng cánh đồng lớn; liên doanh, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; đổi mới và nâng cao hiệu quả các loại hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn; chuyển đổi hợp tác xã theo Luật HTX năm 2012 về cả hình thức và nội dung; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

5. Tích cực huy động, lồng ghép mọi nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu. Quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các địa phương có điều kiện khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang, ven biển. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng, kiểm soát nợ đọng xây dựng cơ bản và công tác huy động sức dân trong xây dựng NTM.

6. Quan tâm đúng mức đến việc nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục, y tế; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng lối sống văn hóa, ứng xử văn minh trong nông thôn; từng bước cải thiện môi trường nông thôn, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn.

7. Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí NTM. Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã đã đạt chuẩn, các xã phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hằng năm, các xã có số tiêu chí đạt còn thấp và các huyện đăng ký đạt chuẩn NTM, xã xây dựng NTM kiểu mẫu. Trong đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM cần công khai, dân chủ lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo để đánh giá kết quả đạt chuẩn NTM.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Dự kiến tổng nhu cầu vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025 là: 8.640.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước (Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp; khả năng đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định): 350.000 triệu đồng
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 650.000 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 7.500.000 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp: 100.000 triệu đồng
- Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 40.000 triệu đồng

Phần thứ ba **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Hiện nay các xã tại vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số có số tiêu chí đạt chuẩn thấp, số xã, thôn bản đạt chuẩn chưa nhiều, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn. Để đạt mục tiêu tổng thể của chương trình, kính đề nghị Trung ương tiếp tục thực hiện các chính sách đã được phê duyệt và phát huy hiệu quả trong giai đoạn 2016-2020. Trong đó, cần tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Đề án 1385 của Thủ tướng chính phủ về hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn xây dựng NTM.

2. Tăng thêm nguồn lực hỗ trợ xây dựng NTM đối với các xã khu vực miền núi, dân tộc thiểu số khó khăn.

Trên đây là báo cáo đánh giá xây dựng nông thôn mới tại các xã miền núi đồng bào dân tộc thiểu số, UBND tỉnh Quảng Trị kính báo cáo để Ủy ban Dân tộc tổng hợp theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lưu: VT, NNp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 



Hà Sỹ Đồng

**Biểu 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số : **93** /BC-UBND ngày **10** /6/2019 của UBND tỉnh
Quảng Trị)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
	Tổng số	7.224.300	11.047.281	8.346.200
I	NS Trung ương	139.300	139.300	196.200
1	<i>Đầu tư phát triển</i>	101.300	101.300	146.800
2	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>	38.000	38.000	49.400
II	Đối ứng từ NS Địa phương	115.000	134.978	150.000
1	<i>Tỉnh</i>	40.000	20.000	30.000
2	<i>Huyện</i>	47.804	99.210	100.000
3	<i>Xã</i>	27.196	15.769	20.000
III	Vốn lồng ghép	300.000	174.840	200.000
IV	Tín dụng	6.250.000	10.396.814	7.500.000
V	Doanh nghiệp	180.000	107.949	150.000
VI	Huy động từ Cộng đồng và người dân	240.000	93.400	150.000

**BIỂU 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số: **93** /BC-UBND ngày **10** /6/2019 của UBND tỉnh
Quảng Trị)

TT	MỤC TIÊU	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	14,15	14,88	15,8
2	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã	117	117	117
	Số xã đạt 19 tiêu chí	42	52	58-60
	Trong đó: Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	42	52	58-60
	Số xã đạt 18 tiêu chí	1	2	2
	Số xã đạt 17 tiêu chí	4	3	5
	Số xã đạt 16 tiêu chí	3	5	9
	Số xã đạt 15 tiêu chí	9	8	3
	Số xã đạt 14 tiêu chí	9	8	5
	Số xã đạt 13 tiêu chí	9	2	4
	Số xã đạt 12 tiêu chí	3	6	3
	Số xã đạt 11 tiêu chí	7	4	5
	Số xã đạt 10 tiêu chí	4	4	9
	Số xã đạt 9 tiêu chí	8	9	4
	Số xã đạt 8 tiêu chí	5	3	5
	Số xã đạt 7 tiêu chí	4	5	3
	Số xã đạt 6 tiêu chí	8	2	2
	Số xã đạt 5 tiêu chí	1	4	0
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí			
	Số xã đạt tiêu chí quy hoạch	117	117	117
	Số xã đạt tiêu chí giao thông	56	67	75
	Số xã đạt tiêu chí thủy lợi	98	108	112
	Số xã đạt tiêu chí điện	116	116	117
	Số xã đạt tiêu chí trường học	57	69	75

Số xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa	61	71	78
Số xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại	95	96	100
Số xã đạt tiêu chí thông tin truyền thông	91	89	95
Số xã đạt tiêu chí nhà ở	78	86	90
Số xã đạt tiêu chí thu nhập	83	83	87
Số xã đạt tiêu chí hộ nghèo	63	74	80
Số xã đạt tiêu chí lao động - việc làm	110	111	115
Số xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất	68	74	80
Số xã đạt tiêu chí giáo dục - đào tạo	88	93	100
Số xã đạt tiêu chí y tế	107	107	110
Số xã đạt tiêu chí văn hóa	113	115	116
Số xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm	59	69	75
Số xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	90	90	95
Số xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh	106	106	110